

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 3078/KH-UBND, ngày 14 tháng 09 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Hướng dẫn số 04/HD-SLĐTBXH ngày 18/9/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Phòng Lao động - TB&XH huyện Tu Mơ Rông về việc đề nghị phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2023, cụ thể như sau:

1. Hộ nghèo: 2.145 hộ/9.383 khẩu, chiếm tỷ lệ 30,36%.36% tổng số hộ dân toàn huyện (7.065 hộ/29.024 khẩu). Trong đó, hộ nghèo DTTS: 2.144 hộ/9.377 khẩu, chiếm tỷ lệ 99,95% tổng số hộ nghèo.

2. Hộ cận nghèo: 338 hộ/1.469 khẩu, chiếm tỷ lệ 4,78% tổng số hộ dân toàn huyện (7.065 hộ). Trong đó, hộ cận nghèo DTTS: 338 hộ/1.469 khẩu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số hộ cận nghèo.

3. Hộ thoát nghèo: 740 hộ nghèo/3.615 khẩu (Trong đó hộ thoát hộ nghèo thành hộ cận nghèo là 70 hộ), phát sinh mới 19 hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện so với đầu năm là 10,70%, vượt chỉ tiêu kế hoạch huyện đề

ra¹ là 2,22%, vượt chỉ tiêu tình giao là 0,20%².

4. Hộ thoát cận nghèo: 169 hộ cận nghèo/742 khẩu, (*hộ nghèo thành hộ cận nghèo 70 hộ*). Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo toàn huyện so với đầu năm là 1,42%.

5. Hộ làm Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: 2.186 hộ, chiếm tỷ lệ 124.28% tổng số hộ dân toàn huyện (*Có phụ biểu chi tiết số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11, 7.12 và các danh sách kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Khoản 1, 2 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2024.

2. Kết quả phê duyệt hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại Khoản 3, 4 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để đánh giá tình hình, kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2024.

3. Kết quả phê duyệt hộ làm Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách có liên quan (*Bảo hiểm y tế, vốn vay...*) theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Lao động - TB&XH huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- Ban dân tộc tỉnh;
- Sở Y Tế tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Thường trực UBNDTTQVN huyện;
- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện³;
- UBND các xã;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

Võ Trung Mạnh

¹ Kế hoạch số 25/KH-UBND được điều chỉnh tại công văn số 765/UBND-LĐTĐBXH tỷ lệ giảm nghèo đa chiều năm 2023 là giảm 10,50% (tỷ lệ giảm hộ nghèo là 8,48%, hộ cận nghèo là 2,02%).

² Công văn số 1004/UBND-SLĐTBXH của UBND tỉnh.

³ Tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 24/9/2021.